

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

17/11
ĐT1. 108

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17/11/2023

Phòng thi: ĐT1. 108

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (62 -)/DA21KDHT

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112121001	Nguyễn Trọng An	15/12/2003	Nam	7.5	4.81	6.2	009	<u>She</u>		4.8 ^{2u}
2	112121004	Huỳnh Công Bình	21/11/2003	Nam	8.5	5.85	7.2	001	<u>Pu</u>		5.8 ^{2u}
3	112121028	Huỳnh Minh Khang	13/10/2003	Nam	8.0	3.0	5.5	007	<u>h</u>		
4	112121035	Dương Hồng Kỳ	18/01/2003	Nam	8.0	3.85	5.9	003	<u>Ko</u>		3.8 ^{2u}
5	112121040	Trần Đại Lộc	09/10/2003	Nam							
6	112121048	Trần Phương Nam	03/05/2003	Nam	8.5	5.35	6.9	004	<u>Nam</u>		5.3 ^{2u}
7	112121049	Huỳnh Thị Tuyết Ngân	22/04/2003	Nữ	8.0	4.5	6.3	011	<u>yan</u>		
8	112121068	Lê Nhất Sinh	10/03/2003	Nam	8.0	5.38	6.7	012	<u>S</u>		5.3 ^{2u}
9	112121077	Nguyễn Trường Thịnh	26/10/2003	Nam	7.0	4.18	5.7	013	<u>Th</u>		4.3 ^{2u}
10	112121086	Dương Phước Vinh	30/03/2003	Nam	7.0	4.0	5.5	005	<u>Vin</u>		
11	112121092	Ngô Trường Vũ	25/04/2003	Nam	8.5	4.0	6.3	014	<u>Vu</u>		
12	112121097	Lê Phát Tài	20/09/2003	Nam	7.5	2.38	4.9	015	<u>Tai</u>		2.3 ^{2u}
13	112121106	Nguyễn Thành Lộc	06/12/2003	Nam	8.0	4.0	6.0	006	<u>Loc</u>		
14	112121117	Lê Quang Huy	07/11/2003	Nam	7.5	5.81	6.7	016	<u>Huy</u>		5.8 ^{2u}
15	112121131	Hà Thái Hoà	22/06/2002	Nam	7.5	3.5	5.5	007	<u>Ho</u>		
16	112121132	Nguyễn Chí Bình	15/08/2003	Nam	8.5	5.5	7.0	008	<u>B</u>		
17	112121142	Nguyễn Thành Lộc	27/09/2003	Nam	8.5	6.0	7.3	017	<u>Loc</u>		
18	112121143	Trương Thanh Lộc	03/12/2003	Nam	8.0	4.0	6.0	018	<u>Aham</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 18

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 17

Tổng số tờ: 17

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Khánh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 29 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn ThịSEA

Cán bộ kiểm tra: luc

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (62 -)/DA21KDHT

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

12/11/2023

Phòng thi: 021.105

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112121147	Trần Lâm Tấn	Lộc	19/11/2003	Nam	8.5	5.25	6.9	001	4	5.3 <i>Đạt</i>

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Cường

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 29 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Sen

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lanh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tin chỉ 2

Nhóm/Lớp: (62 -)/DA21TCNHA

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17 / 11 / 2023

Phòng thi: D71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114521001	Hồ Văn	Anh	22/11/2003	Nữ	8.5	3.8	6.2	001	<u>Trần</u>		
2	114521003	Nguyễn Khánh	Duy	17/01/2003	Nam	8.5	4.0	6.3	002	<u>Trần</u>		
3	114521005	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hân	27/12/2003	Nữ	8.5	5.0	6.8	003	<u>Trần</u>		
4	114521012	Dương Ngọc	Lan	17/06/2003	Nữ	8.0	4.5	6.3	004	<u>Lan</u>		
5	114521013	Nguyễn Gia	Linh	24/08/2003	Nữ	8.5	4.0	6.3	005	<u>Trần</u>		
6	114521021	Phan Hoài	Nam	05/02/2003	Nam	8.0	3.3	5.7	006	<u>Trần</u>		
7	114521022	Lê Thị Thuý	Nga	16/06/2003	Nữ	9.0	5.0	7.0	007	<u>Trần</u>		
8	114521024	Trần Kim	Ngân	04/04/2003	Nữ	8.0	5.3	6.7	008	<u>Trần</u>		
9	114521025	Phan Nguyễn Bảo	Ngọc	22/11/2003	Nữ	8.5	3.3	5.9	009	<u>Trần</u>		
10	114521026	Diệp Hồng	Ngọc	12/08/2003	Nữ	8.0	4.8	6.4	010	<u>Trần</u>		
11	114521027	Phan Linh	Nguyên	03/04/2003	Nữ	8.5	5.0	6.8	011	<u>Trần</u>		
12	114521029	Nguyễn Lê Uyên	Nhi	19/05/2002	Nữ	8.0	3.5	5.8	012	<u>Trần</u>		
13	114521030	Lâm Ngọc Quỳnh	Như	21/12/2003	Nữ	9.0	5.3	7.2	013	<u>Trần</u>		
14	114521031	Phạm Hồng	Nhung	25/12/2003	Nữ	8.5	5.5	7.0	014	<u>Trần</u>		
15	114521033	Nguyễn Thị Yến	Pha	28/09/2003	Nữ	8.5	5.8	7.2	015	<u>Trần</u>		
16	114521034	Lê Trúc	Phương	04/04/2003	Nữ	9.0	4.8	6.9	016	<u>Trần</u>		
17	114521035	Huỳnh Thị Diễm	Phương	10/12/2003	Nữ	8.5	4.0	6.3	017	<u>Trần</u>		
18	114521036	Khru Trần Sĩ	Quý	17/01/2003	Nam	8.5	4.0	6.3	018	<u>Trần</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 18.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: La Văn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 29 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Văn Chí Sen

Cán bộ kiểm tra: La Văn Cao

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

17/11

ĐH. 111

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17 / 11 / 2023

Phòng thi: ĐH. 111

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (62 -)/DA21TCNHA

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114521038	Nguyễn Thành Tấn	18/02/2003	Nữ	8.5	2.5	5.5	001	<u>Am</u>		
2	114521039	Nguyễn Thị Kim Thanh	07/04/2003	Nữ	8.5	2.8	5.7	002	<u>Thư</u>		
3	114521040	Cao Thanh Thanh	26/03/2003	Nữ	8.5	5.5	7.0	003	<u>Thư</u>		
4	114521041	Trần Thị Thanh Thảo	29/11/2003	Nữ	8.5	5.5	7.0	004	<u>Thư</u>		
5	114521042	Đoàn Ngọc Thảo	08/12/2003	Nữ	8.5	3.5	6.0	005	<u>Thư</u>		
6	114521044	Ngô Thị Hồng Thơ	09/11/2003	Nữ	8.5	5.8	7.2	006	<u>Thư</u>		
7	114521047	Đinh Ngọc Anh Thư	23/03/2003	Nữ	9.0	6.3	7.7	007	<u>Thư</u>		
8	114521049	Lê Thị Lệ Thương	27/05/2003	Nữ	8.5	4.3	6.4	008	<u>Thư</u>		
9	114521059	Trương Tú Trinh	11/09/2003	Nữ	8.0	3.3	5.8	009	<u>Thư</u>		
10	114521060	Ngô Thanh Truyền	16/12/2003	Nam	8.5	4.5	6.5	010	<u>Thư</u>		
11	114521063	Nguyễn Thị Tường Vi	10/09/2003	Nữ	8.0	3.3	5.7	011	<u>Thư</u>		
12	114521064	Trần Nguyễn Tường Vy	22/04/2003	Nữ	8.5	2.5	5.5	012	<u>Thư</u>		
13	114521066	Trần Thị Mai Xuân	11/12/2003	Nữ	8.5	5.0	6.8	013	<u>Thư</u>		
14	114521067	Lâm Thị Mỹ Xuyên	30/06/2003	Nữ	9.0	3.3	6.2	014	<u>Thư</u>		
15	114521077	Lâm Gia Bảo	16/08/2003	Nam	7.5	4.0	5.8	015	<u>Thư</u>		
16	114521154	Đinh Ngọc Thư	10/10/2003	Nữ	8.0	5.0	6.5	016	<u>Thư</u>		
17	114521155	Nguyễn Kim Gia Phụng	05/03/2003	Nữ	9.0	4.8	6.9	017	<u>Thư</u>		
18	114521157	Trần Trung Kiên	19/02/2003	Nam	8.5	5.3	6.9	018	<u>Thư</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 18.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Nhà Võ Ngọc Giàu

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 29 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nhà Nguyễn Thị Sen

Cán bộ kiểm tra: Nhà
Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

13/11

ĐH1.112

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (62 -)/DA21DCN

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TM

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
17/11/2023

Phòng thi: ĐH1.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112121002	Nguyễn Hoàng Ân	18/10/2002	Nam	6.5	3,8	5.2	001	Đạt		
2	112121006	Dương Lâm Khánh	Đặng	01/04/2002	Nam	6.5	5,8	6.2	014	Đạt	
3	112121009	Trương Công Đạt	16/08/2003	Nam	8.5	4,3	5.9	002	Đạt		
4	112121011	Lương Nguyễn Tuấn	Đạt	06/06/2003	Nam	6.5	4,8	5.8	015	Đạt	
5	112121013	Nguyễn Tấn Đạt	04/12/2003	Nam	6.5	3,8	5.2	016	Đạt		
6	112121016	Lý Văn Bảo	Duy	09/03/2003	Nam	8.5	3,5	5.5	003	Đạt	
7	112121018	Trịnh Thị Ngọc	Hân	02/04/2003	Nữ	8.0	5,0	6.5	004	Đạt	
8	112121023	Nguyễn Thái	Hòa	11/10/2003	Nam	8.5	5,3	6.4	005	Đạt	
9	112121027	Trần Nhật	Khang	13/10/2002	Nam	8.5	5,0	6.3	006	Đạt	
10	112121038	Trần	Linh	04/05/2003	Nam	6.5	5,0	5.8	077	Đạt	58
11	112121047	Phạm Phan Hoài	Nam	18/04/2003	Nam	8.0	4,8	5.9	007	Đạt	
12	112121067	Thạch Ngọc	Sang	14/08/2003	Nam	6.0	5,0	5.5	008	Đạt	
13	112121072	Trần Thanh	Thái	22/08/2003	Nam	8.5	3,8	5.8	009	Đạt	
14	112121076	Thạch Minh	Thành	06/11/2003	Nam	6.5	4,5	5.5	018	Đạt	
15	112121083	Đặng Công	Trứ	25/09/1999	Nam	8.0	5,8	6.9	010	Đạt	
16	112121084	Trần Anh	Tuấn	04/12/2003	Nam	8.5	4,5	6.0	011	Đạt	
17	112121103	Nguyễn Minh	Thuận	09/10/2003	Nam	6.0	4,5	5.3	019	Đạt	
18	112121104	Nguyễn Chí	Thanh	15/06/2003	Nam	6.0	5,0	5.5	020	Đạt	
19	112121107	Nguyễn Văn	Trãi	08/11/2003	Nam	6.0	5,5	5.8	012	Đạt	
20	112121112	Phạm Tuấn	Kha	09/09/2002	Nam	6.0	3,5	4.8	013	Đạt	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Lê Thị Thuý Dương

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 29 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Sen

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (62 -)/DA21DCN

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17 / 11 / 2023

Phòng thi: D71.11.3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112121114	Nguyễn Khả Vy	01/11/2003	Nữ	6.0	6.0	6.0	001	<u>Vy</u>		
2	112121115	Trương Nhật Đăng	16/01/2003	Nam	6.0	3.8	4.9	005	<u>Ng</u>		
3	112121139	Đỗ Cao Trí	26/10/2003	Nam	7.5	4.8	6.2	002	<u>Trí</u>		
4	112121152	Mai Đăng Khoa	10/11/2003	Nam	7.5	5.5	6.5	003	<u>Kh</u>		
5	112121155	Trần Văn Giàu	20/03/2003	Nam	7.5	5.0	6.3	004	<u>Tr</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ: 1

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 30 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Sen

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

18111

D81.114

Hình thức đánh giá: Tra cứu nghiêm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17 / 11 / 2023

Phòng thi: D81.114

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (62 -)/DA21TTA

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110121007	Nguyễn Lâm Quốc Bảo	06/01/2003	Nam	8.5	4.5	6.5	001	Bảo		
2	110121017	Đinh Lê Bảo Duy	20/09/2003	Nam	8.5	3.5	6.0	002	Duy		
3	110121033	Huỳnh Nhật Huy	23/12/2003	Nam	8.5	3.5	6.0	003	Huy		
4	110121045	Cao Kỳ	22/01/2003	Nam	8.0	4.0	6.0	004	Kỳ		
5	110121071	Nguyễn Hoàng Nhân	21/02/2003	Nam	8.5	4.8	6.7	005	nhân		
6	110121088	Quách Tấn Quân	12/04/2003	Nam	9.0	3.5	6.3	006	Quân		
7	110121104	Nguyễn Tín Thành	24/05/2003	Nam	8.5	4.5	6.5	007	Thành		
8	110121114	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	16/10/2001	Nữ	8.0	4.5	6.3	008	Tiên		
9	110121132	Nguyễn Văn Vững	25/02/2003	Nam	8.5	3.8	6.2	009	Vững		
10	110121242	Hồ Hoàng Phúc	27/01/2003	Nam	9.0	4.3	6.7	010	Phúc		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Vĩnh Nghiệp

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 29 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Sen

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

18/11

DA1-109

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (62 -)/DA21TTB

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

18/11/2023

Phòng thi: DA1-109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	D.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110121009	Phạm Khánh	Đặng	08/03/2003	Nam	9.0	4.3	6.8	001	<u>Đạt</u>	
2	110121034	Trần Duy	Kha	05/12/2002	Nam	8.0	3.0	5.0	002	<u>Đạt</u>	
3	110121044	Nguyễn Trung	Kiên	24/04/2003	Nam	7.0	3.3	5.2	003	<u>K</u>	
4	110121054	Trần Phát	Lộc	07/07/2003	Nam	8.5	3.8	6.2	004	<u>Lộc</u>	
5	110121095	Nguyễn Nhật	Tài	19/09/2003	Nam	/	/	/	/	/	
6	110121101	Trương Nguyễn Hoàng	Thanh	18/09/2003	Nam	8.5	4.8	6.8	006	<u>Hu</u>	
7	110121118	Huỳnh Nguyễn Bích	Trâm	20/12/2003	Nữ	9.0	3.0	6.0	007	<u>Tram</u>	
8	110121120	Nguyễn Hữu	Tri	08/12/2003	Nam	9.0	5.0	7.0	008	<u>au</u>	
9	110121124	Trương Anh	Tuấn	22/09/2003	Nam	9.0	4.5	6.8	009	<u>L</u>	
10	110121130	Nguyễn Thái	Vinh	08/12/2003	Nam	8.5	3.0	5.8	010	<u>Thái</u>	
11	110121133	Cao Thị Thúy	Vy	03/05/2003	Nữ	9.0	3.0	6.0	011	<u>Thuy</u>	
12	110121154	Nguyễn Hoàng	Phúc	01/07/2003	Nam	8.0	3.3	5.2	012	<u>Phuc</u>	
13	110121177	Trịnh Thanh	Dinh	23/09/2002	Nam	8.0	4.3	5.8	013	<u>Phuc</u>	
14	110121189	Nguyễn Tấn	Lộc	15/12/2003	Nam	9.0	5.0	7.0	014	<u>Phuc</u>	
15	110121228	Nguyễn Đức	Thịnh	15/01/2003	Nam	8.0	2.3	4.8	015	<u>Phuc</u>	
16	110121235	Phan Nguyễn Cảnh	Thịnh	13/07/2003	Nam	9.0	5.5	7.3	016	<u>Phuc</u>	
17	110121253	Hồ Vĩ	Khang	29/09/2003	Nam	8.5	5.8	6.8	017	<u>Phuc</u>	
18	110121270	Huỳnh Quang	Vinh	29/05/2003	Nam	8.5	4.5	6.0	018	<u>Vinh</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 18

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 0

Tổng số tờ: 0

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Duy Phước

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Linh

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 29 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Linh

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (62 -)/DA21TTC

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
17 / 11 / 2023

Phòng thi: D71.11.3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110121018	Danh Hoàng Duy	02/03/2003	Nam	1	1	1	007	<u>Đ</u>		
2	110121137	Lê Trức Tín	10/06/2003	Nam	8.5	4,3	6.4	007	<u>Đ</u>		
3	110121141	Kim Hữu Ngân	31/03/2003	Nam	9.5	3,5	6.5	008	<u>Ng</u>		
4	110121145	Cao Khải Minh	03/10/2003	Nam	8.0	4,5	6.3	009	<u>Mt</u>		
5	110121146	Đặng Thị Kim Ngân	09/11/2003	Nữ	8.5	5,3	6.9	010	<u>Đ</u>		
6	110121148	Lê Ly Ta	15/10/2002	Nam	9.5	4,3	6.9	011	<u>Ta</u>		
7	110121150	Trần Khánh Duy	19/10/2002	Nam	8.0	4,3	6.2	012	<u>Đ</u>		
8	110121157	Vương Chí Trung	12/06/2003	Nam	8.0	4,5	6.3	013	<u>HT</u>		
9	110121158	Phạm Đăng Khoa	21/09/2003	Nam	8.0	4,3	6.2	014	<u>Khoa</u>		
10	110121163	Thạch Minh Thắng	17/01/2002	Nam	8.5	4,5	6.0	015	<u>Thang</u>		
11	110121174	Lê Thị Nguyễn Xuyên	29/07/2003	Nữ	8.0	4,5	6.3	016	<u>Tran</u>		
12	110121188	Nguyễn Duy Khang	13/04/2003	Nam	8.5	4,5	6.5	017	<u>Đ</u>		
13	110121197	Nguyễn Được Nhiều	12/01/2003	Nam	8.5	3,8	5.8	018	<u>Nhiều</u>		
14	110121206	La Tấn Đạt	02/02/2003	Nam	8.5	5,0	6.3	019	<u>Đ</u>		
15	110121234	Lê Minh Nhựt	13/04/2003	Nam	8.0	4,5	6.3	020	<u>Đ</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 15

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 14

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 14

Tổng số tờ: 1

Cán bộ coi thi 1: Đ. Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 30 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Đ. Nguyễn Văn Sen

Cán bộ kiểm tra: Đ

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (62 -)/DA21TTC

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

17 / 11 / 2023

Phòng thi: D71124

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110121236	Mai Đỗ Uyên	30/11/2003	Nữ	8.0	4,8	6.4	011	<u>nguyen</u>		
2	110121238	Nguyễn Thị Huỳnh Như	29/10/2003	Nữ	8.0	5,8	6.9	012	<u>nhu</u>		
3	110121255	Lâm Huệ Trung	08/01/2003	Nam	9.0	5,5	7.3	013	<u>linh</u>		
4	110121264	Tải Trọng Nghĩa	02/06/2003	Nam	9.5	5,0	7.3	014	<u>trung</u>		
5	110121266	Mã Đại Phú	16/11/2003	Nam	9.5	4,5	7.0	015	<u>ph</u>		
6	110121269	Nguyễn Hoàng Nhựt	09/10/2002	Nam	9.5	4,5	7.0	016	<u>nhut</u>		
7	110121273	Võ Trọng Nghĩa	25/01/2001	Nam	10.0	3,3	6.7	017	<u>vo</u>		
8	117521001	Phạm Quang Duy	21/03/2003	Nam	9.5	3,8	6.7	018	<u>duy</u>		
9	117521003	Nguyễn Hữu Luân	17/02/2003	Nam	9.5	4,6	7.0	019	<u>luan</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Đạt

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 29 tháng 11 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Sen

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành